

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 17-01-2025
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lưu Trọng Kim;
- Ông Nguyễn Đức Bình.

-Thư ký phiên tòa: Trịnh Văn Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 387/2023/TLST- DS, ngày 14/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2024/QĐXXST-DS ngày 31/12/2024; giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1971. Có mặt
Địa chỉ: Số H đường số E, thôn E, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:*

+Bà **Vũ Thị Hải Y**, sinh năm 1995. Có mặt.

Địa chỉ: Số E đường số F, thôn D, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

+Ông **Đỗ D**, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: Số H đường số E, thôn E, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Đỗ Quang H1**, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Đ: Số H đường số E, thôn E, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2024 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Trước đây bà Nguyễn Thị H là mẹ chồng của bà Vũ Thị Hải Y. Vào năm 2017 vợ chồng bà Y và ông Đỗ Dương C vay của bà Hằng số tiền 20.000.000 đồng, để mua đất, thời hạn vay là 7 năm. Khi vay bà Y có viết giấy vay nợ, ghi ngày 5/4/2017, có ghi lãi suất theo ngân hàng. Từ ngày vay cho đến nay bà Y, ông D chưa trả lãi và tiền gốc cho bà H. Nay bà H yêu cầu bà Y, ông D phải trả cho vợ chồng bà Hằng số tiền gốc 20.000.000 đồng về tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 01 “Giấy vay nợ”, có nội dung: Bà Y và ông D có vay của bà Hằng số tiền 20.000.000 đồng.

-Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Vũ Thị Hải Y trình bày: Năm 2017, khi bà Y và ông D chưa ly hôn có vay của bà Hằng số tiền 20.000.000 đồng và có trả lãi được 01 năm. Sau đó bà H sử dụng điện của nhà bà Y (nhà của bà H cho vợ chồng bà Y ở, nhưng chưa làm thủ tục) để bơm nước sinh hoạt và có thỏa thuận miệng là sẽ trừ tiền lãi hàng tháng cho bà Y. Sau này ông D nói với bà Y là số tiền vay 20.000.000 đồng vợ chồng bà H đã cho vợ chồng bà Y.. Tháng 1/2024 bà Y và ông D ly hôn, khi ly hôn hai bên thỏa thuận tài sản chung là 02 mẫu đất trồng tràm giao cho bà Y, còn nợ cha, mẹ hai bên thì bà Y trả nợ cho cha, mẹ Y; còn nợ cha, mẹ của ông D thì ông D trả. Bà Y bán 02 mẫu đất trồng tràm được 450.000.000 đồng (tại phiên tòa bà Y khai bán được 430.000.000 đồng), bà Y trả nợ cho cha, mẹ bà Y số tiền 347.000.000 đồng, số tiền còn lại bà Y dùng để nuôi con. Nay bà Y yêu cầu bà Y và ông D cùng trả nợ cho bà H và ông H1.

-Ý kiến của bị đơn ông Đỗ D: Khi ly hôn ông D đã giao hết tài sản chung của vợ chồng là 02 mẫu đất trồng tràm và hàng hóa buôn bán cho bà Y. Bà Y đã bán đất và cây tràm được 650.000.000 đồng và ông D không có sử dụng số tiền bán đất này. Do đó ông D đề nghị bà Y phải trả số nợ 20.000.000 đồng cho cha, mẹ ông D. Ông D không có khi nào nói rằng số tiền 20.000.000 đồng này cha, mẹ ông D đã cho bà Y, ông D.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quang H1: Thống nhất theo ý kiến của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát đã có văn bản từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm, vì vụ án không thuộc trường phải có sự tham gia của Viện kiểm sát.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Quan hệ được xác lập vào năm 2017, nên áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bà Vũ Thị Hải Y và ông Đỗ Dương T nợ vay 20.000.000 đồng là có căn cứ. Vì nguyên đơn đưa ra các chứng cứ thể hiện bà Vũ Thị Hải Y có viết giấy nợ bà H số tiền 20.000.000 đồng. Chứng cứ này các bị đơn đều thừa nhận. Bà Y có trình bày rằng ông D nói số tiền này vợ chồng bà H đã cho bà Y và ông D, khi còn là vợ chồng. Tuy nhiên bà H khẳng định là chưa khi nào nói là cho bà Y, ông D; còn ông D cũng khẳng định rằng không có nói với bà Y rằng vợ chồng bà H đã cho số tiền 20.000.000 đồng.

Do đó, có căn cứ xác định bà Y và ông D vẫn còn nợ vợ chồng bà H 20.000.000 đồng.

[4]. Theo ông D và bà Y khi ly hôn tài sản chung của vợ chồng chỉ có 02 mẫu đất trồng cây tràm và một số hàng hóa. Tài sản giao cho bà Y được quyền sử dụng. Theo bà Y khai là đã bán đất này được 450.000.000 đồng và trả nợ cho cha, mẹ bà Y 347.000.000 đồng, như vậy số tiền còn lại là 103.000.000 đồng bà Y là người sở hữu. Bà Y khai rằng khi ly hôn hai bên thỏa thuận là nợ cha, mẹ của bên nào thì bên đó trả, nhưng ông D không thừa nhận và bà Y cũng không có chứng cứ gì, nên không chấp nhận ý kiến này của bà Y. Do vậy cần buộc một mình bà Y phải có trách nhiệm trả nợ cho bà H và ông H1 là có căn cứ theo Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[5] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: Tại phiên tòa bà H không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Y phải chịu án phí phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 463, 466, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Vũ Thị Hải Y phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Quang H1 số tiền gốc 20.000.000 đồng.

Kể từ bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Quang H1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Vũ Thị Hải Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị Hải Y phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí, trả lại cho bà Nguyễn Thị H 1.262.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004953, ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 17/1/2025, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái